***\* Chọn ý đúng nhất trong các câu từ 14.46 đến 14.58:***

14.46. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin thụ thể H1:

 A. Dị ứng B. Say tàu xe

 C. Nôn, đau nửa đầu D. Cả A, B và C

14.47. Phương pháp thuận tiện định lượng diphenhydramin .HCl trong viên:

 A. Acid-base / CH3COOH khan; HClO4 0.1M; đo điện thế.

 B. HPLC

 C. Quang phổ hấp thụ UV.

 D. Cả A, B và C

14.48. Chọn thuốc thích hợp uống phòng say trước khi lên xe:

 A. Dimenhydrinat B. Loratadin

 C. Promethazin .HCl D. Cả A, B và C

14.49. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin H1 chống dị ứng:

 A. Liên kết vào histamin làm mất hiệu lực.

 B. Gắn trước vào thụ thể H1, tranh chấp với histamin.

 C. Phân hủy làm mất tác d ụng của. histamin.

 D. Cả 3 cơ chế A, B và C

14.50. Phương pháp lựa chọn định lượng cromolyn natri:

 A. Acid-base B. Quang phổ UV

 C. HPLC D. Cả A, B và C

14.51.Chọn thuốc chống dị ứng uống trước khi đi ngủ là hợp lý:

 A. Cetirizin hydroclorid B. Alimemazin tartrat.

 C. Promethazin hydroclorid D. Chỉ B và C

14.52. Đường dùng promethazin hydroclorid chống dị ứng hiệu quả:

 A. Uống B. Tiêm bắp

 C. Đặt trực tràng D. Cả A, B và C

14.53. Khác biệt của thuốc kháng histamin thế hệ II so với thế hệ I:

 A. Không ức chế thần kinh trung ương (không gây buồn ngủ).

 B. Hiệu lực kháng histamin cao và thời hạn tác dụng kéo dài.

 C. Tác dụng chống nôn đáng kể..

 D. Cả A, B và C

14.54. Trường hợp chỉ định dùng cromolyn natri là hợp lý:

 A. Phòng dị ứng thực phẩm B. Dị ứng thời tiết

 C. Phối hợp trị hen D. Chỉ A và C

14.55. Phương pháp lựa chọn định lượng loratadin nguyên liệu:

 A. Acid-base / CH3COOH khan; HClO4 0,1 M; đo điện thế..

B. Xác định trị số ester.

 C. Quang phổ UV

D. Cả A, B và C